Những bóng ma vùng Lexington

Haruki Murakami

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

Những bóng ma vùng Lexington

Haruki Murakami

Những bóng ma vùng Lexington

Thực ra những chuyện này đã xảy ra nhiều năm về trước. Bởi vì những hoàn cảnh nào đó mà tôi phải thay đổi tên nhân vật, còn lại những chuyện khác là hoàn toàn có thật.
Tôi đã sống ở Cambridge, Massachusetts khoảng hai năm. Vào thời gian đó, tôi quen biết một tay kiến trúc sư. Ông ta điển trai, trạc ngoài năm mươi, tóc một nửa đã bạc trắng. Không to cao lắm nhưng ông rất thích bơi lội. Hầu như ngày nào ông cũng bơi nên có một hình thể khá hấp dẫn. Đôi khi ông cũng chơi tennis. Còn về tên tuổi, chúng ta cứ tạm gọi ông là Casey. Ông ta độc thân, sống ở một căn biệt thự cũ kỹ vùng Lexington, ngoại ô Boston cùng với một tay chỉnh dây đàn piano có gương mặt vàng vọt và vô cùng trầm lặng. Tên tay này là Jeremy. Anh ta khoảng ba mươi lăm, cao và mảnh dẻ như cây liễu, hơi bị hói đầu. Ngoài việc chỉnh dây đàn piano, tay này còn chơi piano khá hay.
Một vài truyện ngắn của tôi đã được dịch ra tiếng Anh và đăng trên các tạp chí. Casey đọc chúng và gửi một lá thư cho tôi qua nhà xuất bản.
“Tôi rất thích truyện ngắn của ông và tò mò muốn biết ông là người thế nào”, ông ta viết. Thường thì tôi không gặp những người gửi thư ái mộ tôi (bởi kinh nghiệm cho thấy những cuộc gặp gỡ đó chẳng bao giờ vui vẻ hay thú vị gì lắm). Nhưng lần này tôi cho rằng gặp cái tay Casey này có vẻ được đấy. Anh chàng viết thư khá thú vị, đầy óc hài hước. Tôi cũng có tính lạc quan người ta thường có khi sống ở nước ngoài. Chúng tôi sống khá gần nhau. Dù thế, tất cả những điều trên bất quá cũng chỉ là lý do phụ. Lý do chính mà tôi muốn gặp cái ông Casey là vì ông ta đang sở hữu một bộ sưu tập tuyệt vời những đĩa nhạc Jazz xưa.
“Dù có tìm khắp xứ này ông cũng chẳng bao giờ tìm ra một bộ sưu tập cá nhân nào hoàn hảo đến thế đâu. Tôi biết rằng ông rất thích nhạc jazz, hay ít nhất thì ông cũng quan tâm đến nó”. Ông ta viết thế. Đúng là như vậy. Chắc chắn là tôi quan tâm đến nhạc jazz rồi. Sau khi đọc thư của Casey; tôi muốn thấy tận mắt bộ sưu tập đĩa

nhạc jazz đến mức không chịu nổi. Bộ sưu tập những đĩa nhạc jazz cổ đã gài bẫy tôi, khiến cho toàn bộ ý chí kháng cự lại đều tiêu tán, như thể một chú ngựa mê mẩn mùi hương của loài cây lạ.
Nhà Casey nằm ở vùng Lexington. Từ chỗ tôi đến đó mất khoảng nửa tiếng đi xe hơi. Khi tôi gọi điện, ông ta fax cho tôi một bản đồ chỉ đường chi tiết. Một buổi tháng tư, tôi lên chiếc xe Volkswagen màu xanh, một mình lái thẳng đến nhà ông ta. Tôi nhanh chóng tìm ra. Đó là một căn nhà ba tầng cũ kỹ to lớn. Chắc hẳn căn nhà đã có mặt nơi này ít nhất là hơn một trăm năm. Ngay cả ở Boston này, nơi những ngôi nhà lân cận đều mang dáng vẻ phô trương, đứng uy nghi san sát cạnh nhau và đều có lịch sử lâu đời, căn nhà tráng lệ này vẫn nổi bật lên hẳn. Một mình nó đã đủ cho một tấm bưu thiếp.
Khu vườn giống như cả một cánh rừng mênh mông, những con chim giẻ cùi xanh biếc chuyền từ cành này sang cành nọ, không ngừng cất tiếng hót cao vút, vui tươi. Có một chiếc xe BMW mới đậu nơi lối xe hơi. Khi tôi dừng xe bên cạnh chiếc BMW, một con chó rõ to đang ngủ trên tấm thảm chùi chân nơi hiên trước chậm chạp đứng dậy sủa hai ba tiếng một cách mẫn cán. Tiếng sủa của nó như có ý bảo "Thật ra tớ chẳng muốn sủa đâu, nên tớ chỉ sủa cầm chừng thế thôi".
Casey bước ra bắt tay tôi. Cái bắt tay mạnh mẽ như để xác nhận một điều gì đó. Tay kia ông ta vỗ nhẹ vào vai tôi. Đó là một kiểu cách thường có ở ông ta. "Chào, tôi rất vui khi ông đến. Thật hân hạnh được quen biết ông", ông ta nói. Ông mặc một cái áo sơ mi Italy màu trắng hợp thời trang, cúc cài lên tận cổ, một cái áo len casơmia màu nâu sáng, và mặc một cái quần vải bông mềm. Ông còn đeo một cặp kính nhỏ kiểu Giorgio Armani. Tất cả đều toát lên vẻ lịch lãm.
Casey đưa tôi vào trong nhà, mời tôi ngồi xuống cái trường kỷ trong phòng khách và mang ra một bình cà phê ngon tuyệt mới vừa pha xong.
Casey không phải là người quá ngạo mạn. Ông được giáo dục tốt và được ăn học chu đáo. Thời trẻ đã từng đi du lịch vòng quanh thế giới nên Casey là người rất hay chuyện, khéo ăn khéo nói. Chúng tôi trở nên thân thiết, và tôi thường đến nhà Casey chơi mỗi tháng một lần. Ông chia sẻ với tôi niềm hạnh phúc có được bộ sưu tập dĩa nhạc jazz tuyệt vời đó. Khi ở nhà Casey tôi đã được thưởng thức những dĩa nhạc vô cùng quý hiếm và giá trị mà bình thường tôi chẳng bao giờ tìm ra. So với bộ sư tập đó thì hệ thống âm

thanh nổi không đến nỗi tệ lắm, nhưng bộ ampli dùng đèn chân không lại tạo ra một làn âm thanh ấm áp và hoài cổ.
Casey dùng phòng đọc sách của mình làm văn phòng và đã lập kế hoạch đặt một cái máy vi tính lớn ở đó. Tuy thế, ông không nói cho tôi biết nhiều về công việc của ông. “Chẳng có gì quan trọng lắm đâu”, ông vừa nói vừa cười như để bào chữa. Tôi chẳng biết gì về những công trình kiến trúc mà Casey thiết kế. Ông dường như lúc nào cũng nhàn nhã. Ông Casey mà tôi biết lúc nào cũng ngồi trên cái trường kỷ trong phòng khách, nghiêng nghiêng ly rượu một cách tao nhã và đọc sách hay dỏng tai nghe tiếng đàn piano của Jeremy. Hay có khi ông ngồi trên chiếc ghế đặt trong vườn mà chơi với chú chó. Đó chỉ là cảm giác của tôi, nhưng tôi nghĩ công việc của ông không đến nỗi vất vả lắm.
Người cha quá cố của Casey là một nhà tâm lý học nổi danh toàn quốc, đã viết khoảng năm đến sáu quyển sách và tất cả đang trên đường trở thành kinh điển. Như bức thư của Casey cho biết, cha của ông cũng là một fan tận tụy của nhạc jazz, là bạn thân thiết của nhà sáng lập và sản xuất dĩa hát uy tín Bob Weinstock. Chính vì thế mà bộ sưu tập các dĩa nhựa vinyl nhạc jazz của ông ta thập niên 1940 đến 1960 toàn vẹn một cách đáng ngạc nhiên. Những thanh âm gợi cảm tuyệt vời và ta chẳng thể phàn nàn được gì về chất lượng tuyệt hảo của những dĩa hát. Hầu hết những dĩa hát này thuộc ấn bản đầu tiên và được giữ gìn trong điều kiện hoàn hảo. Cả những bao dĩa và những chiếc đĩa nhạc đều không có một vết dơ nào, dù là nhỏ nhất. Gần như là một điều huyền diệu vậy. Casey bảo quản chúng rất cẩn thận. Ông nâng niu từng dĩa nhạc trên tay như thể đang tắm cho một đứa bé sơ sinh vậy.
Casey không có anh chị em và mẹ ông mất khi ông còn trẻ. Cha của ông chẳng bao giờ tái hôn. Vì thế khi cha ông mất vì bệnh ung thư tuyến tuỵ mười lăm năm về trước, ông thừa hưởng toàn vẹn gia tài gồm căn nhà, các bất động sản khác và bộ sưu tập dĩa nhạc đó. Bởi Casey ngưỡng mộ cha mình hơn bất cứ ai khác và cũng rất yêu cha, ông không vất đi một dĩa nhạc nào mà giữ gìn toàn bộ rất cẩn thận. Casey cũng thích nghe nhạc jazz nhưng không phải là một fan cuồng nhiệt như cha ông. Thật ra thì ông thích nhạc cổ điển hơn. Mỗi dịp Osawa Seiji chỉ huy dàn nhạc giao hưởng Boston, ông và Jeremy chẳng bao giờ vắng mặt.
Sau khi tôi quen biết ông Casey chừng một năm, Casey nhờ tôi trông nhà trong lúc ông đi vắng. Chuyện này hiếm khi xảy ra, nhưng ông phải đi London khoảng một tuần vì công việc kinh

doanh. Thường mỗi lần Casey đi công tác thì Jeremy trông nhà. Nhưng lần này vì mẹ của Jeremy đang sống ở miền Tây Virginia yếu người không được khoẻ nên Jeremy phải về nhà chăm sóc. Jeremy vừa đi, nên Casey gọi điện cho tôi.
“Xin lỗi phải nhờ ông làm việc này. Nhưng tôi chẳng biết nhờ ai khác nữa”, ông ta nói. “Nói trông nhà vậy thôi chứ ngoài việc cho con Miles (tên con chó của ông) ăn hai lần một ngày thì ông chẳng phải làm gì khác đâu. Ông có thể nghe bất cứ dĩa nhạc nào ông thích. Và cũng có rất nhiều đồ ăn thức uống nữa. Ông cứ dùng tự nhiên”.
Tôi thấy lời đề nghị đó cũng không đến nỗi tồi. Vì hoàn cảnh riêng mà cho lúc ấy tôi đang sống một mình trong một căn hộ ở Cambridge. Căn nhà kế bên đang trong giai đoạn sửa chữa nên ồn ào suốt ngày không chịu nổi. Tôi mang thêm vài bộ quần áo, áo mưa, vài quyển sách và đến nhà ông Casey vào đầu giờ chiều ngày Thứ sáu. Casey vừa mới thu dọn dồ đạc xong và chuẩn bị gọi taxi.
“Đi London vui vẻ nhé”, tôi nói.
“Vâng, dĩ nhiên rồi”, Casey cười. “Hãy tận hưởng căn nhà và mấy cái dĩa nhạc nhé. Nơi này cũng không tệ lắm đâu”.
Khi Casey đi khỏi, tôi xuống bếp pha một ly cà phê. Sau đó tôi đặt cái máy tính của mình trên chiếc bàn trong phòng nghe nhạc kế bên phòng khách, rồi vừa nghe vài dĩa nhạc mà cha của ông Casey để lại vừa làm việc khoảng một tiếng đồng hồ. Dường như tôi sẽ làm được rất nhiều việc trong tuần tới.
Cái bàn lớn màu gỗ gụ có ngăn kéo ở hai bên. Chắc nó đã có mặt ở đây từ thời xa xưa. Nó là vật cổ xưa nhất trong căn phòng. Bên cạnh những vật thuộc một thời đại khác, như cái máy tính tôi mang theo chẳng hạn, nó như thể nó đã nằm nguyên đó suốt một thời gian dài không thể tưởng tượng được. Sau khi cha mất, ông Casey không thêm một chút gì dù chỉ một con tem vào căn phòng đó. Như thể Casey xem nơi đó là một miếu thờ thiêng liêng hay như một nơi thánh tích vậy. Trong khi toàn bộ căn nhà phủ một lớp bụi thời gian thì riêng trong phòng nghe nhạc, dường như dòng thời gian mới ngừng lại ít phút đây thôi. Căn phòng được sắp đặt hoàn hảo. Không có lấy một mảy bụi nào bám trên những chiếc kệ, cái bàn được lau bóng lộn đến mức lấp lánh có thể soi gương.
Con Miles bước vào nằm dưới chân tôi. Tôi vuốt đầu nó vài cái. Nó là một con chó cô đơn kinh khủng và không thể chịu đựng được sự cô độc lâu hơn nữa. Người ta đã dạy cho nó biết cách ngủ ở một

cái giường riêng trong xó bếp nhưng hầu hết thời gian nó cứ quanh quẩn bên chân ai đó, thản nhiên nép mình vào thân thể người ta.
Phòng khách và phòng nghe nhạc được ngăn cách nhau bởi một cánh cửa cao. Trong phòng khách có một cái lò sưởi lớn bằng gạch và một cái trường kỷ bằng da thuộc rất tiện lợi dành cho ba người. Có bốn cái ghế bành lạc điệu, không đồng bộ và ba bàn uống cà phê cũng có kiểu dáng riêng biệt. Một tấm thảm Ba Tư trải trên nền nhà, tuy màu mè nhưng cũng đã phần nào nhạt phai. Trên trần nhà đung đưa một chùm đèn treo cổ kính. Tôi bước vào, ngồi xuống trường kỷ và quan sát những thứ xung quanh. Chiếc đồng hồ treo trên lò sưởi tích tắc giờ phút nghe như ai đó đang đập vỡ cửa sổ bằng đầu ngón chân.
Những kệ sách cao lớn bằng gỗ đứng dựa vào tường, chất đầy sách nghệ thuật và đủ loại sách chuyên ngành. Ba bên tường treo hai bức tranh sơn dầu vẽ một bãi bờ nào xa lạ, cách treo tranh đầy ngẫu hứng. Cảnh vật đó gợi ra một ấn tượng vừa phải, chừng mực. Trong tranh không hề có bóng dáng con người mà chỉ có bãi biển trải dài đơn độc. Chúng cho ta cảm giác như nếu áp sát tai vào những bức tranh kia ta có thể nghe ra những cơn gió giá lạnh và những cơn sóng biển bạo tàn. Cả hai bức tranh đều tráng lệ, nhưng không có bức nào thật sự nổi bật. Hai bức tranh cùng thoang thoảng một làn hương nhẹ nhàng kiểu nước Mỹ xưa (1), nhưng vẫn mang cái vẻ xa cách của những nhà giàu thừa tự.
Cái kệ thứ hai dựa vào bức tường rộng của phòng nghe nhạc, và tất cả những dĩa nhạc cũ xưa được sắp xếp ngăn nắp theo thứ tự alphabet của người hay nhóm nhạc trình diễn. Ngay cả Casey cũng không biết chắc có khoảng bao nhiêu dĩa nhạc. Chắc khoảng chừng sáu hay bảy ngàn gì đó. Ông có lần nói vậy. Và cũng khoảng chừng ấy dĩa nữa được xếp trong những hộp giấy các tông chất trên gác mái. “Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu một ngày kia nơi này chìm xuống lòng đất chỉ bởi sức nặng của toàn bộ đống đĩa hát xưa cũ này, giống như ngôi nhà của dòng họ Usher (2)”.
Tôi lấy một dĩa nhạc Lee Connitz 10’ đặt vào máy hát rồi ngồi vào bàn viết. Thời gian trôi lặng yên và dễ chịu. Tôi cảm thấy rất tuyệt như thể tôi vùi chôn mình vào tiếng quay tuyệt vời của dĩa hát. Thời gian trôi qua, tôi cảm thấy mình đã xây dựng và phát triển được mối quan hệ mật thiết với căn phòng này. Âm thanh vang vọng của âm nhạc xuyên thấm và lan tỏa vào mọi thứ đến từng ngõ ngách căn phòng, từng lỗ nhỏ li ti trên tường và đến cả những

nếp gấp của màn cửa đang lay động.
Tối đó tôi đã khui một chai Montepulciano mà Casey dành riêng cho tôi. Tôi rót rượu vào một cái ly pha lê rồi ngồi trên trường kỷ, vừa đọc một quyển tiểu thuyết mới mua vừa uống vài cốc liền. Dù không kể đến lời giới thiệu của ông ta, tôi vẫn thấy rượu này thật tuyệt. Lấy trong tủ lạnh ra một miếng pho mát, tôi ăn với bánh bích quy. Bất cứ lúc nào, căn nhà cũng lặng như tờ. Ngoài tiếng tích tắc của đồng hồ như tôi đã nói ở trên thì đôi khi chỉ nghe thấy tiếng xe hơi đi ngang trước nhà. Con đường bên nhà chỉ là một ngõ cụt. Vì thế, chỉ những người láng giếng mới sử dụng nó thôi. Khi đêm xuống, hầu như không có bóng dáng vật gì trên đường. Đã quen với cuộc sống ở Cambridge, với những đám sinh viên hiếu động, giờ đây tôi thấy mình như đang ở đáy đại dương. Như thường lệ, khi đồng hồ điểm mười một giờ, tôi cảm thấy hơi mệt. Đặt quyển sách qua một bên, tôi cầm ly rượu xuống bếp để rửa và nói với Miles câu chúc ngủ ngon. Cuộn tròn người trên chiếc giường với vẻ nhẫn nhục cam chịu, Miles gừ một tiếng nhẹ rồi nhắm mắt lại. Tôi tắt đèn và lên phòng ngủ ở tầng hai. Tôi thay bộ đồ ngủ và chẳng bao lâu sau đã chìm vào giấc ngủ say.
Tôi tỉnh giấc với một cảm giác trống rỗng không rõ hình dạng. Tôi chẳng biết mình đang ở đâu. Trong thoáng chốc, tôi mất cảm giác, như thể một cọng rau héo vậy. Cọng rau đã bị bỏ quên trong một cái tủ tối tăm suốt một thời gian dài. Phải mất một khoảng thời gian nữa, tôi mới nhớ ra được là mình đang trông nhà cho ông Casey. Trời ạ, tôi đang ở Lexington. Tôi sờ soạng tìm cái đồng đeo tay để dưới gối. Khi tôi ấn nút, thời gian hiện ra trong ánh sáng màu xanh. Bây giờ là một giờ mười lăm phút.
Tôi lặng yên ngồi dậy khỏi giường và với tay bật cái đèn nhỏ ở đầu giường. Phải mất cả phút tôi mới tìm thấy cái công tắc. Cái đèn hình hoa loa kèn được làm từ thứ thủy tinh bóng loáng phát ra một quầng sáng màu vàng. Tôi dùng hai lòng bàn tay lau hai bên thái dương, thở mạnh và nhìn xung quanh căn phòng sáng sủa. Tôi xem xét từng bức tường, nhìn kỹ tấm thảm và ngước nhìn lên trần nhà. Thế rồi, như thu gom những hạt đậu nằm rải rác trên sàn, tôi tập trung thu gom lại ý thức tôi, từng mảnh một và xác lập trở lại sự quen thuộc với thực tại của thân thể mình. Dần dần tôi nhận ra một điều gì đó. Đó là tiếng vang của một âm thanh. Một tiếng ầm nhỏ tựa như tiếng sóng vỗ bờ - thanh âm đó đã khuấy động và lôi tôi khỏi giấc ngủ say.
Có ai đó đang ở dưới nhà.

Tôi nhón gót đi ra cửa và nín thở. Ngay lập tức, tôi nghe tiếng đập của trái tim mình. Không thể lầm lẫn được. Ngoài tôi ra còn ai đó nữa ở trong căn nhà này. Và không chỉ là một hay hai người đâu. Âm thanh nghe văng vẳng mờ nhạt như tiếng nhạc. Tôi không hiểu tại sao. Từ nách tôi, mồ hôi lạnh bắt đầu chảy nhỏ giọt. Điều gì đã xảy ra trong khi tôi đang ngủ vậy?
Điều đầu tiên mà tôi chợt nghĩ ra được đó là một kiểu trò đùa tinh vi. Casey giả vờ đi London trong khi thực ra ông ta ở lại rồi tổ chức một buổi tiệc giữa đêm khuya chỉ để hù dọa tôi. Dù nghĩ thế nhưng tôi vẫn không tin Casey là loại người có thể làm một trò đùa ngây ngô con trẻ như vậy. Khiếu hài hước của ông ta tinh tế và tao nhã hơn nhiều.
Hay có lẽ - tôi nghĩ trong khi vẫn đứng dựa vào thành cửa - những người dưới nhà có quen biết với Casey mà tôi không hay biết. Họ biết là Casey đã đi công tác khỏi thành phố (nhưng không biết tôi đến trông nhà cho ông), rồi quyết định nghỉ ngơi ở đây trong khi Casey vắng mặt. Dù sao đi nữa, tôi cũng chắc chắn rằng đó không phải là bọn trộm. Bởi khi kẻ trộm đột nhập vào một căn nhà nào đó thì thường chúng không chơi nhạc lớn như thế.
Tôi thay bộ quần áo ngủ rồi vớ lấy cái quần mặc vào. Tôi đi giày và khoác thêm vào người một cái áo len cùng với áo sơmi. Nhưng tôi chỉ có một mình. Tôi muốn cầm theo vật gì đó trong tay. Nhìn quanh quẩn trong phòng, tôi chẳng thấy có vật gì thích hợp. Không có gậy đánh bóng chày hay que cời lửa. Trong phòng tôi chỉ thấy cái giường, cái bàn gương, cái kệ sách nhỏ, một bức tranh đặt trong khung.
Khi ra đến hành lang, tôi nghe rõ những tiếng ồn hơn. Từ cuối cầu thang, âm thanh một bản nhạc vui vẻ cổ xưa trôi lơ lửng vào hành lang như đám mây hơi nước. Giai điệu bài hát khá quen thuộc nhưng tôi không thể nào nhớ ra.
Tôi cũng nghe thấy những giọng nói. Bởi vì có nhiều giọng nói cùng cất tiếng hòa lẫn vào nhau nên tôi không thể đoán ra họ đang nói về chuyện gì. Thỉnh thoảng họ lại cất lên một tiếng cười lớn. Tiếng cười sảng khoái dễ chịu. Dường như người ta đang tổ chức tiệc tùng ở phòng dưới. Và qua những thanh âm vọng ra, ta biết buổi tiệc thành công tốt đẹp. Và như để điểm tô cho quang cảnh đó, tiếng chạm lanh canh giữa ly sâm banh và ly rượu vang cất lên vui vẻ. Tôi cũng chắc rằng có ai đó đang khiêu vũ. Tôi có thể nghe ra tiếng cót két nhịp nhàng của những đôi giày da gõ trên sàn gỗ.
Tôi lẻn từ hành lang ra đến chỗ nghỉ của cầu thang. Nghiêng người

tựa vào thành cầu thang, tôi nhìn xuống. Có ánh sáng từ cái cửa sổ cao thẳng đứng hắt ra, làm chỗ phòng đợi ngập trong một thứ ánh sáng kỳ dị, quái đản. Không có một bóng người. Những cánh cửa ngăn phòng khách với hành lang đóng chặt. Tôi biết là trước khi đi ngủ tôi đã để ngỏ những cánh cửa này. Tôi tuyệt đối chắc chắn điều đó. Chỉ có thể là ai đó đã đóng chúng lại khi tôi đã lên lầu đi ngủ.

Tôi hoàn toàn lúng túng chẳng biết làm gì. Có một cách quay trở lại giường ngủ ở tầng hai để ẩn náu. Khoá trái cửa lại, trườn lên giường và… Xem xét vấn đề một cách bình tĩnh thì có vẻ đây là cách hành động khôn ngoan nhất. Nhưng lúc nãy khi đứng trên cầu thang, nghe tiếng nhạc vui tai và tiếng cười lớn như thế, tôi hơi bị sốc khi nhận ra thanh âm dần trở nên lắng dịu xuống như những gợn sóng trên mặt ao. Từ đó, tôi đoán ngờ ngợ rằng đây không phải là loại người bình thường.

Tôi thở một hơi dài và sâu rồi bước xuống cầu thang, tiến vào hành lang chính. Đế giày cao su của đôi giày thể thao rón rén đi từng bước trên sàn gỗ. Khi đến chỗ phòng đợi, tôi lập tức rẽ trái và tiến thẳng xuống bếp. Tôi bật đèn và lục tìm trong ngăn kéo một con dao phay chặt thịt to nặng. Ông Casey là người rất mê nấu nướng và có một bộ dao làm bếp đắt tiền của Đức. Lưỡi dao sáng quắc, không gợn vết nhơ ánh chiếu lên một vẻ khoái lạc và chân chính trong tay tôi.

Nhưng khi tôi thử hình dung ra cảnh tượng mình bước vào một bữa tiệc vui nhộn mà nắm chặt một con dao phay chặt thịt to tướng trên tay, tôi nhanh chóng nhận ra đó là một ý tưởng tệ hại. Tôi mở vòi, rót một ly nước và trả lại con dao phay vào ngăn kéo. Nhưng đợi đã, chuyện gì đã xảy ra với con chó vậy?

Lần đầu tiên, tôi nhận ra không thấy bóng dáng của con Miles đâu cả. Nó không còn nằm trên cái nệm đặt trên sàn. Miles đã đi đâu nhỉ? Không phải nhiệm vụ của nó là sủa gâu gâu khi có người đột nhập vào nhà giữa đêm khuya sao? Cúi người xuống, tôi thử sờ vào chỗ lõm xuống của tấm nệm mà Miles thường hay nằm, giờ đây đã phẳng phiu. Không còn một chút nào hơi ấm. Dường như Miles đã rời khỏi giường và đi đâu từ lâu lắm rồi vậy.

Tôi rời khỏi bếp, bước vào phòng đợi và ngồi xuống chiếc ghế dài ở đó. Tiếng nhạc và những câu chuyện vẫn tiếp tục không ngừng. Như những con sóng, chúng cồn lên từng chặp rồi lại chìm vào yên tĩnh, nhưng không bao giờ ngừng lại hoàn toàn. Có bao nhiêu người trong đó? Ít nhất phải mười lăm người. Hay có lẽ nhiều

hơn, khoảng hai mươi người gì đó. Dù sao đi nữa, dường như căn phòng khách lớn kia chứa đầy những người là người.
Tôi thoáng nghĩ không biết mình có nên đẩy cửa bước vào hay không. Đúng là một quyết định lạ lùng và khó khăn. Xét cho cùng thì tôi là người trông coi căn nhà này và quản lý nó là trách nhiệm của tôi cơ mà. Nhưng mặt khác, tôi cũng là vị khách không mời mà đến.
Tôi căng tai cố lắng nghe những mẩu đối thoại không mạch lạc vọng ra từ khe cửa nhưng không thể được. Chúng lẫn vào nhau thành một giọng đều đều đơn điệu khiến tôi không thể nào nhận ra từng giọng nói nào riêng biệt. Trong khi tôi nghe ngóng câu chuyện thì dường như có một một bức tường thạch cao chắn trước mặt tôi. Tôi thọc tay vào túi lấy ra một đồng hai mươi lăm xu và lơ đãng xoay nó trong tay. Sự cứng chắc của đồng tiền và cảnh huống thực tế đã trả cho tôi cảm giác của mình. Thế rồi một điều gì đó bập vào tôi, như thể có ai đó dùng một cái chày bằng bông đánh vào đỉnh đầu tôi.
Họ là ma.
Đám người ngồi trong phòng khách, nghe nhạc và tán gẫu vui vẻ hoà nhã với nhau kia không phải là người thực. Áp lực không khí thay đổi giống như có một sự chuyển pha, và tai tôi kêu ong ong. Tôi cố nuốt vào nhưng không thể vì cổ họng tôi khô khốc. Tôi đút đồng xu vào túi và nhìn xung quanh. Tim tôi đập thình thịch.
Cho đến tận bây giờ tôi mới nhận ra điều kỳ quặc. Thật hoàn toàn lố bịch khi nghĩ rằng có ai đó đột nhập vào nhà và tổ chức đánh chén. Chắc chắn những tiếng xe đậu gần nhà và những bước chân nặng nề ở cổng trước căn nhà đã phải đánh thức tôi dậy. Và chắc chắn con Miles phải sủa chứ.
Nói tóm lại, đám người kia không có cách nào đột nhập vào căn nhà này được.
Tôi muốn con Miles ở kế bên tôi. Và tôi muốn đặt tay mình vào chiếc cổ Miles, ngửi mùi và cảm thấy ấm áp từ làn da nó. Nhưng nào thấy bóng dáng Miles đâu. Chỉ có mình tôi bước vào, ngồi xuống chiếc ghế dài trong phòng đợi như bị bỏ bùa mê. Tự nhiên tôi cảm thấy khiếp sợ. Nhưng còn hơn nỗi khiếp sợ một cái gì cụ thể. Nó là nỗi khiếp sợ sâu thẳm và huyền bí như sa mạc bao la. Hít vài hơi thở sâu, tôi nạp khí đầy buồng phổi. Từng chút một, tôi bình tâm trở lại. Cảm giác như thể ai đó lật những lá bài ở sâu trong ý thức tôi.
Rồi tôi đứng dậy và như lúc nãy tôi rón rén bàn chân mò ra hành

lang. Tôi trở lại phòng ngủ. Không kịp thay đồ tôi nhảy thẳng lên giường. Tiếng nhạc và cuộc trò chuyện vẫn nghe văng vẳng. Tôi chẳng thể nào ngủ được nên đành nằm đó chờ sáng. Vẫn để đèn, tôi tựa mình vào thành giường và nhìn trừng trừng lên trần nhà, cố nghe những thanh âm của bữa tiệc bất tận phía dưới. Cuối cùng, tôi cũng chìm vào giấc ngủ.
Khi tôi thức giấc vào sáng hôm sau, trời đổ mưa. Cơn mưa phùn yên lặng chỉ làm ướt đẫm trái đất. Những chú chim giẻ cùi hót líu lo dưới hiên nhà. Kim đồng hồ chỉ gần chín giờ. Những cánh cửa ngăn phòng nghỉ và phòng khách lại mở toang ra như đêm qua tôi đã mở trước khi đi ngủ. Phòng khách vẫn ngăn nắp. Quyển sách tôi đang đọc vẫn để mở trên trường kỷ. Những mẩu bánh quy còn nằm rải rác trên bàn cà phê. Đúng như tôi dự đoán, hoàn toàn không có dấu vết gì của bữa tiệc tối qua. Miles nằm cuộn tròn nơi sàn bếp, ngủ ngon lành. Khi Miles thức dậy tôi cho nó ăn. Lắc lắc đôi tai, Miles ăn ngốn ngấu với vẻ say mê. Như thể chẳng có chuyện gì xảy ra cả.
Bữa tiệc ma quái này diễn ra vào giữa đêm đầu tiên mà tôi ở nhà Casey. Sau đó thì chẳng có gì bất thường xảy ra nữa cả. Những đêm bí ẩn lặng yên nơi vùng Lexington này lại tiếp tục ngự trị. Không có gì xảy ra. Nhưng không biết vì lý do nào đó mà hầu như hằng đêm, tôi đều thức dậy vào lúc nửa đêm. Luôn luôn là khoảng từ một đến hai giờ sáng. Tôi đoán chắc đó chỉ là sự căng thẳng khi nghỉ đêm tại nhà người lạ. Hay đó lẽ đó là sự lo âu rằng bữa tiệc lạ lùng đó lại tái diễn.
Mỗi lần thức dậy như thế, tôi đều nín thở, vểnh tai nghe ngóng trong bóng đêm. Nhưng tuyệt không có một âm thanh nào. Đôi khi tôi chỉ nghe tiếng lá cây xào xạc trong vườn. Và lúc đó, tôi lại bước xuống cầu thang, vô nhà bếp uống một ly nước. Miles vẫn cuộn mình trên sàn nhà, và mỗi lần thấy tôi, Miles vui vẻ thức giấc, vẫy đuôi và dúi dúi cái đầu vào chân tôi.
Tôi dẫn Miles lên phòng khách, bật đèn và cẩn thận nhìn xung quanh. Dù thế, tôi chẳng cảm thấy gì cả. Chiếc trường kỷ và cái bàn uống cà phê vẫn yên vị tại chỗ. Những bức tranh sơn dầu lạnh giá vẽ bờ biển Tân Anh quốc vẫn nằm trên tường như mọi khi. Tôi ngồi nơi chiếc trường kỷ khoảng mười đến mười lăm phút chỉ để giết thời gian. Và khi không thể khám phá ra manh mối gì của những chuyện đã xảy ra, tôi nhắm mắt lại và tập trung tư tưởng. Nhưng tôi chẳng cảm thấy gì. Chỉ đơn giản là tôi đang ở vùng ngoại thành trong một đêm yên tĩnh thanh bình. Tôi mở cửa sổ

thông ra vườn và hít thở không khí mùa xuân đượm hương hoa. Những chiếc màn cửa lay nhẹ nhàng trong làn gió khuya và trong rừng có tiếng cú kêu.
Sau khoảng một tuần, khi Casey đi công tác London trở về, tôi quyết định không nói gì về chuyện xảy ra trong đêm đó, trong lúc này. Thực sự tôi không thể giải thích được tại sao. Tôi chỉ cảm thấy im lặng như thế thì tốt hơn. Thôi cứ như thế vậy.
“Sao, thế nào? Có chuyện gì xảy ra trong khi tôi vắng nhà không?”. Casey hỏi tôi khi tôi đang đứng nơi phòng nghỉ.
“Không, chẳng có gì đặc biệt đâu. nơi này thật yên tĩnh và tôi làm được khá nhiều việc”. Đó hoàn toàn là sự thật.
“Tuyệt lắm”, Casey vừa nói vừa vui vẻ nhìn tôi. Rồi ông lôi từ trong túi xách một chai rượu uýtki Scotlen đắt tiền tặng tôi làm quà kỷ niệm. Chúng tôi bắt tay rồi chia tay nhau. Tôi lái chiếc Volkswagen trở về căn hộ của mình ở Cambridge.
Sau đó, tôi không gặp mặt Casey trong khoảng sáu tháng liền. Chúng tôi cũng có nói chuyện qua điện thoại một vài lần. Mẹ của Jeremy đã mất. Vì thế anh chàng chỉnh đàn piano trầm lặng đó đã quay về miền tây Virginia vĩnh viễn. Vào thời gian ấy, tôi sắp sửa viết xong một quyển tiểu thuyết dài, bởi vậy tôi không rời khỏi phòng để gặp ai và đi đâu cả trừ trường hợp thật cần thiết. Mỗi ngày tôi dành hơn mười hai tiếng đồng hồ ngồi ở bàn viết, thành thử chắc là tôi đã không hề đi đâu xa nhà hơn một kilômét.
Lần cuối cùng tôi gặp Casey là ở một quán cà phê gần bến nhà thuyền sông Charles. Tôi dạo bộ ra đó để gặp mặt Casey và uống cà phê với ông. Tôi không biết tại sao ông Casey này lại trông già đi nhiều so với dạo trước. Đến mức tôi hầu như không thể nhận ra được ông. Trông như Casey đã già đi mười tuổi. Mái đầu ngày càng bạc trắng, những quầng tối húp lên dưới hai mắt và mu bàn tay có nhiều nếp nhăn hơn. Tôi không thể ngờ con người này lại là Casey mà tôi biết dạo trước, một kẻ luôn luôn biết chăm sóc dáng vẻ của mình. Có lẽ Casey đang có tật bệnh gì chăng? Nhưng Casey không nói gì về chuyện đó nên tôi cũng không tiện hỏi thăm.
Chắc chắn Jeremy sẽ không bao giờ quay lại Lexington. Casey vừa nói với tôi bằng một giọng trầm lặng vừa nhẹ nhàng lúc lắc đầu từ trái qua phải. Đôi khi tôi có gọi điện về miền Tây Virginia nói chuyện với Jeremy một vài lần. Cú sốc trước biến cố người mẹ mất đi dù sao cũng làm thay đổi con người anh ta. Jeremy nói như vậy. Không còn là Jeremy của những ngày xưa cũ. Bây giờ Jeremy toàn nói về những chùm sao tử vi. Và anh ta cứ nói về những câu

chuyện chiêm tinh rủi ro từ đầu đến cuối. Chẳng hạn như hôm nay thì chòm sao nào chiếu và ta có thể làm được việc hay không hay phải tránh đi. Toàn những chuyện như vậy. Khi còn ở Lexington này, chưa một lần nào Jeremy đề cập đến sao trời.
Tôi rất lấy làm tiếc. Tôi nói. Nhưng thực sự tôi không biết ông Casey này đang nói về ai và về cái quái gì.
"Khi mẹ tôi mất đi, tôi chỉ mới lên mười tuổi". Casey bắt đầu nói, mắt nhìn chăm chú ly cà phê.
“Bởi tôi không có anh chị em, nên khi mẹ tôi mất đi, chỉ có ba tôi và tôi bơ vơ trên cõi đời này. Mẹ tôi mất vì một tai nạn du thuyền vào đầu thu năm đó. Chúng tôi hoàn toàn không được chuẩn bị tâm lý cho cú sốc đột ngột đó. Mẹ tôi còn trẻ, lanh lợi và trẻ hơn ba tôi đến mười tuổi. Cả ba tôi và tôi đều không thể ngờ rằng một ngày kia mẹ tôi lại vĩnh biệt cõi đời. Vậy mà một ngày kia, bà đột ngột từ bỏ thế giới này. Đùng một cái. Như thể mẹ tôi tan biến vào không khí loãng. Bà thông minh, đẹp đẽ, ai ai cũng thích bà. Mẹ tôi thích đi dạo bộ, bà có những bước sải chân tuyệt vời, lưng thẳng băng, cái cằm mảnh dẻ hơi nhô ra một cách dịu dàng, hai tay đan chắp sau lưng. Bà bước đi với một dáng điệu vui tươi như thế. Và bà thường vừa đi vừa hát. Tôi thích cùng đi dạo bộ với bà, chỉ hai chúng tôi. Mỗi khi nghĩ về mẹ, tôi đều hình dung thấy bà đang đi trên bờ biển Newport, đắm mình trong ánh sáng rực rỡ một buổi sáng mùa hè. Những đường viền của chiếc váy dài mùa hạ dập dìu bay trong cơn gió nhẹ. Đó là một cái váy cotton vải in hoa. Quang cảnh ấy còn in sâu vào tâm trí tôi như một tấm ảnh chụp.
Mẹ tôi rất yêu quý cha tôi và cha tôi thì thương yêu mẹ tôi kinh khủng. Tôi nghĩ chắc công ba tôi yêu mẹ sâu thẳm hơn yêu tôi nhiều. Cha tôi là loại người như thế đấy. Ông yêu quý những thứ mà ông chiếm hữu được bằng chính đôi tay mình. Đối vơi ông, tôi là một cái gì đó hiển nhiên đạt được nhờ một chuỗi sự kiện. Nói như thếâ không có nghĩa là cha tôi không yêu tôi. Tôi là con một của ông. Nhưng cha tôi chẳng bao giờ yêu tôi nhiều như yêu mẹ tôi. Điều này tôi hiểu lắm. Cha tôi yêu mẹ hơn bất cứ ai khác trên đời này. Sau khi mẹ tôi mất, ông không bao giờ tái hôn nữa.
Sau đám tang của mẹ, cha tôi ngủ vùi triền miên ba tuần liền. Tôi nói không quá lời đâu. Đúng ba tuần đấy.
Đôi khi cha tôi lảo đảo rời khỏi giường. Không nói một lời, ông chỉ uống nước và ăn một chút thức ăn. Trông ông giống như một kẻ mộng du hay một bóng ma. Và sau một thời gian ngắn nhất có thể dùng cho việc ăn uống, ông lại chìm vào giấc ngủ. Với cánh cửa

chớp đóng kín và bầu không khí lặng lờ trong căn phòng tối tăm, ông ngủ như nàng công chúa bị bỏ bùa mê. Ông hầu như không cử động. Ông không hề cuộn người lại và dáng vẻ vẫn như thường lệ. Tôi cảm thấy lo lắng không yên nên hết lần này đến lần khác, tôi đến bên ông để xem xét. Tôi sợ rằng ông sẽ đột tử trong giấc ngủ. Mỗi khi đến bên giường để phủi nệm và đưa thức ăn cho ông, tôi đều quan sát kỹ gương mặt của cha tôi.
Nhưng cha tôi không chết. Ông chỉ ngủ say thôi, như một tảng đá vùi trong lòng đất. Tôi nghĩ chắc ông không mơ đâu. Trong căn phòng tăm tối và yên lặng, ta chỉ nghe ra được tiếng thở đều đều. Tôi chưa từng thấy một ai ngủ dài và sâu đến thế. Như thể ông đang du hành vào một thế giới nào khác. Tôi nhớ là lúc đó tôi vô cùng sợ hãi. Hoàn toàn đơn độc trong căn nhà to lớn, tôi như bị cả thế giới này bỏ rơi.
Mười lăm năm sau, khi cha tôi khuất núi, rõ ràng tôi buồn rầu vô hạn, nhưng tôi hoàn toàn không ngạc nhiên lắm. Cha tôi khi đã chết trông cũng chẳng khác nào như lúc ông chìm trong giấc ngủ sâu kia. Ông giống hệt như khi đó, tôi tự nhủ. Cảnh đó tôi đã nhìn thấy rồi. Và cái cảnh đó, choáng ngợp, như một cái gì sâu trong nội tại tôi, giờ đã quay trở lại. Sau ba mươi năm, tôi lại quay về quá khứ như khi nó mới xảy ra. Chỉ có điều lúc này tôi không còn nghe thấy tiếng thở của cha tôi.
Tôi yêu cha tôi. Tôi yêu ông hơn bất cứ ai khác trên cõi đời này. Tôi cũng kính trọng ông. Nhưng còn hơn thế, tôi gắn kết với ông mạnh mẽ, cả về cảm xúc cũng như về tinh thần. Tôi biết điều này có vẻ lạ lùng, nhưng sau khi cha tôi mất, tôi cũng lên giường ngủ triền miên nhiều ngày trời, hệt như cha tôi đã ngủ sau khi mẹ tôi qua đời. Như thể tôi đã kế thừa một lễ nghi đặc biệt nào đó trong huyết thống của tôi.
Có lẽ là suốt hai tuần liền, tôi đã ngủ, ngủ, ngủ suốt... Tôi ngủ cho đến khi thời gian rữa nát và tan biến vào hư vô. Dù ngủ nhiều như thế nào đi nữa, tôi cũng thấy không đủ. Vào thời gian đó, đối với tôi thế giới giấc ngủ là thế giới thực tại, còn thế giới hằng ngày ta đang sống chẳng gì khác hơn là một cõi tạm hão huyền. Đó là một thế giới nông cạn, trống rỗng sắc màu đời sống. Tôi nghĩ mình chẳng muốn sống thêm một tí nào nữa trong thế giới ấy. Dần dần tôi đã hiểu và hình dung ra được cảm giác của cha tôi như thế nào khi mất mẹ tôi. Ông có hiểu tôi nói gì không? Mọi vật cùng một lúc khoác một hình hài khác. Nếu không có những dáng hình mới đó, sự vật sẽ không thể tồn tại được."

Casey im lặng trong thoáng chốc như đang suy nghĩ điều gì. Bây giờ là cuối thu, đôi khi tiếng những quả sồi rơi chạm đất tạo một âm vang vọng đến tai tôi.
“Tôi chỉ có thể nói một điều thôi”, Casey nói và ngẩng đầu lên, nụ cười kiểu cách quen thuộc nở trên môi. “Khi tôi chết đi sẽ chẳng có ai trên trần gian này ngủ một giấc dài và sâu để tiễn biệt tôi cả”.
Đôi khi tôi nghĩ về những bóng ma vùng Lexington, về tính cách họ, về số lượng họ mà tôi không bao giờ được biết, về bữa tiệc vui mà những bóng ma đó đã tổ chức trong phòng khách nơi căn nhà của Casey giữa đêm khuya. Tôi nghĩ về Casey và giấc ngủ dài sâu và đơn độc của ông như thể đang chuẩn bị dọn mình cho cái chết trong phòng ngủ trên tầng hai có cửa đóng kín. Và tôi cũng nghĩ về cha của Casey. Tôi nghĩ về Miles, con chó cô độc, về bộ sưu tập dĩa hát nhạc jazz và Jeremy chơi nhạc Schubert. Rồi chiếc BMW màu xanh đậu trước cửa nhà. Tôi cảm thấy tất cả chúng như thể đã xảy ra từ lâu lơ lâu lắc ở một nơi nào xa lắc xa lơ. Cho dù chúng mới xảy ra gần đây mà thôi.
Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn chưa kể cho ai nghe những chuyện này. Mỗi khi tôi gắng nghĩ về nó thì dù cho đây là câu chuyện thật sự kỳ lạ, nhưng có lẽ vì khoảng cách thời gian, nó dường như chẳng còn lạ lùng gì với tôi nữa.

Chú thích:
(1) Nguyên văn tiếng Anh: Tân Anh quốc, tức New England, vùng phía đông bắc của nước Mỹ, gồm các bang Maine, New Hampshire, Vermont, Massachusetts, Rhode Island và Connecticut.
(2) Ngôi nhà của dòng họ Usher (The House of Usher): truyện ngắn nổi tiếng của E. A. Poe, kể về ngôi nhà cùng với những nhân vật huyền bí của dòng họ Usher. Cuối truyện, ngôi nhà bị sét đánh, đổ nát trong nháy mắt và chìm xuống lòng đất vô tăm tích.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.
Hoàng Long dịch theo bản tiếng Anh của Chris Allison
Trần Tiễn Cao Đăng hiệu đính và chú thích
Nguồn:
Được bạn: ms đưa lên
vào ngày: 8 tháng 2 năm 2005